

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là “Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động”)

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



Shape the future
with confidence

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 46

2011
N P
V G
U K
PHI

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0303217354, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2007, và do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Hoạt động chính trong năm của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là mua bán, bảo hành và sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan với thương hiệu là Điện Máy Xanh và bán lẻ các mặt hàng dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và sản phẩm vệ sinh với thương hiệu An Khang.

Công ty có trụ sở chính tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Lô T2 - 1.2, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch	
Ông Vũ Đăng Linh	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên	
Ông Robert ALan Willett	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
Ông Đỗ Tuấn Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Võ Hà Trung Tín	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Nguyễn Tiến Trung	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
		miễn nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
		miễn nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Điều Chính Hải Triều	Thành viên	miễn nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2025

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Tổng Giám đốc	
Bà Võ Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng	
Ông Vũ Đăng Linh	Giám đốc Tài chính	miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Văn Hiếu Em.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: *Đoàn Văn Hiếu Em*



Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2026

Số tham chiếu: 12840339/68619255/HN-25

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là “Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động”)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là “Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động”) (“Công ty”) và các công ty con (“Nhóm Công ty”) được lập ngày 26 tháng 2 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 46, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3021-2024-004-1

Nguyễn Minh Ngọc
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 6455-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		53.565.566.103.895	47.063.191.892.772
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	3.578.154.917.657	3.780.128.276.727
111	1. Tiền		3.558.154.917.657	3.580.128.276.727
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	200.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		20.414.244.731.666	19.463.430.958.687
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	20.414.244.731.666	19.463.430.958.687
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		6.264.835.281.364	5.005.016.206.176
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	394.564.407.242	241.768.864.731
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	40.298.376.105	7.625.724.817
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	4.180.000.000.000	3.198.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	1.649.972.498.017	1.557.621.616.628
140	IV. Hàng tồn kho	10	22.759.101.620.225	18.445.615.872.295
141	1. Hàng tồn kho		23.368.695.775.234	18.868.713.558.233
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(609.594.155.009)	(423.097.685.938)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		549.229.552.983	369.000.578.887
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	340.599.769.383	274.785.229.426
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	18	208.629.783.600	94.214.349.461
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	18	-	1.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.350.671.762.515	2.408.951.274.697
210	I. Phải thu dài hạn		238.775.502.397	256.707.860.908
216	1. Phải thu dài hạn khác	12	238.775.502.397	256.707.860.908
220	II. Tài sản cố định		840.472.791.325	1.625.231.472.209
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	814.473.912.825	1.561.763.906.070
222	Nguyên giá		9.454.539.360.453	9.938.145.643.754
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(8.640.065.447.628)	(8.376.381.737.684)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	25.998.878.500	63.467.566.139
228	Nguyên giá		36.771.076.200	90.297.772.827
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.772.197.700)	(26.830.206.688)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		54.108.981.914	4.941.859.483
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	54.108.981.914	4.941.859.483
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		1.771.159.064.528	242.035.797.830
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh	16	371.159.064.528	242.035.797.830
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	1.400.000.000.000	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		446.155.422.351	280.034.284.267
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	12.420.343.336	26.054.627.592
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	433.735.079.015	253.979.656.675
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		56.916.237.866.410	49.472.143.167.469

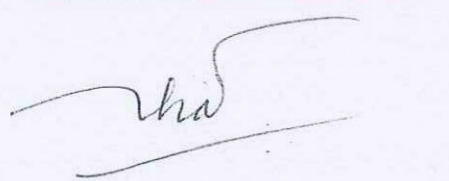
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		39.115.666.255.903	29.955.725.943.070
310	I. Nợ ngắn hạn		39.115.666.255.903	29.955.725.943.070
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17.1	9.701.594.456.166	6.325.109.928.640
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17.2	210.360.563.142	88.506.854.304
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	811.242.325.898	585.548.459.406
314	4. Phải trả người lao động		190.067.856.206	141.425.441.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	3.304.053.527.878	2.109.806.224.937
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	536.936.718.444	21.723.198.012
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	842.798.429.389	683.193.526.335
320	8. Vay ngắn hạn	22	23.429.114.317.650	19.930.172.643.525
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		89.498.061.130	70.239.666.911
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		17.800.571.610.507	19.516.417.224.399
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	17.800.571.610.507	19.516.417.224.399
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		11.012.835.000.000	4.361.518.810.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		11.012.835.000.000	4.361.518.810.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		1.073.331.174.380	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.714.405.436.127	15.154.898.414.399
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		4.612.620.204.399	11.438.327.441.232
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		1.101.785.231.728	3.716.570.973.167
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		56.916.237.866.413.410	49.472.143.167.469

3-C.T.H
G
M
D. CHỈ MINH



Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

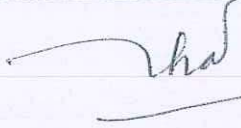
Ngày 26 tháng 2 năm 2026

(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025


VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	110.387.157.888.454	94.240.556.174.175
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(907.969.435.608)	(883.948.450.190)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	109.479.188.452.846	93.356.607.723.985
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25, 29	(89.992.477.524.267)	(76.267.199.511.301)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		19.486.710.928.579	17.089.408.212.684
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	1.842.889.655.874	1.673.177.566.415
22	7. Chi phí tài chính	26	(973.377.602.687)	(700.525.805.609)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(970.038.874.515)	(698.026.126.670)
24	8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên doanh		24.351.079.198	(44.596.454.899)
25	9. Chi phí bán hàng	27, 29	(9.960.990.653.627)	(10.476.983.983.071)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27, 29	(3.179.187.654.912)	(2.456.442.534.973)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.240.395.752.425	5.084.037.000.547
31	12. Thu nhập khác		41.993.570.273	19.561.273.875
32	13. Chi phí khác	28	(13.690.616.919)	(357.083.845.173)
40	14. Lãi (lỗ) khác		28.302.953.354	(337.522.571.298)
50	15. Tổng lợi nhuận trước thuế		7.268.698.705.779	4.746.514.429.249
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(1.638.902.794.566)	(1.226.420.618.792)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	30.3	171.989.320.515	196.477.162.710
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		5.801.785.231.728	3.716.570.973.167
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		5.801.785.231.728	3.716.570.973.167
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát			-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	5.268	3.409
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	32		3.409


Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2026


Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

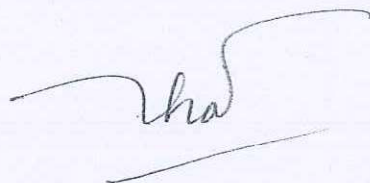
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		7.268.698.705.779	4.746.514.429.249
	Lợi nhuận kế toán trước thuế			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	13, 14	775.210.194.149	1.086.316.535.865
03	Dự phòng		205.754.863.290	220.952.651.591
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(57.131.972)	(104.133.542)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.707.522.809.174)	(1.104.545.913.764)
06	Chi phí lãi vay	26	970.038.874.515	698.026.126.670
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		7.512.122.696.587	5.647.159.696.069
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(40.254.576.400)	332.280.519.604
10	Tăng hàng tồn kho		(5.020.792.722.687)	(426.288.336.665)
11	Tăng các khoản phải trả		5.029.401.100.314	2.270.686.564.790
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(50.175.336.438)	52.414.720.963
14	Tiền lãi vay đã trả		(952.184.628.079)	(700.748.020.023)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(1.461.385.165.412)	(932.426.715.489)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		5.016.731.367.885	6.243.078.429.249
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ") và các tài sản dài hạn khác		(126.099.723.642)	(75.317.052.553)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		60.406.749.261	22.045.328.209
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(33.723.305.970.369)	(36.083.817.752.133)
24	Thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay		30.521.492.197.390	30.805.730.737.856
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(204.771.087.500)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.977.546.976.380	
27	Tiền thu lãi từ tiền gửi, cho vay		1.506.801.236.958	1.854.318.533.160
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		12.070.378.478	(3.477.040.205.461)

(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
31	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ nhận vốn góp	23.1	109.037.980.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	22	84.226.229.694.440	72.369.835.479.230
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	22	(80.866.099.911.845)	(72.745.779.245.387)
36	Cổ tức đã trả	23.1	(8.700.000.000.000)	(2.749.999.999.995)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(5.230.832.237.405)	(3.125.943.766.152)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(202.030.491.042)	(359.905.542.364)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		3.780.128.276.727	4.139.929.685.549
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		57.131.972	104.133.542
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	3.578.154.917.657	3.780.128.276.727



Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2026



Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0303217354, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2007, và do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Hoạt động chủ yếu trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là mua bán, bảo hành và sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan với thương hiệu là Điện Máy Xanh và bán lẻ các mặt hàng được phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và sản phẩm vệ sinh với thương hiệu An Khang.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Lô T2 - 1.2, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 32.157 (ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 24.139).

Cơ cấu tổ chức

Tên công ty con	Trụ sở	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
				Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con trực tiếp					
(1) Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh (*)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sửa chữa máy móc, thiết bị	Đang hoạt động	99,99978	-
(2) Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma (**)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán lẻ dược phẩm	Đang hoạt động	-	99,999994
(3) MWG (Cambodia) Co., Ltd (***)	Phnôm Pênh, Campuchia	Quản lý đầu tư	Giải thể	-	100
Công ty liên doanh					
(4) PT Era Blu Elektronik	Indonesia	Thương mại sản phẩm điện tử	Đang hoạt động	45,00	45,00

(*) Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 20 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 9.999.890 cổ phần (tỷ lệ sở hữu là 99,9989%) của Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh (trước kia là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt – Sửa chữa – Bảo hành Tận Tâm) với giá chuyển nhượng là 99.998.900.000 VND từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động (Công ty mẹ của Công ty) vào ngày 30 tháng 12 năm 2025. Cũng tại ngày này, Công ty đã góp thêm vốn với giá trị 400.000.000.000 VND theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/TĐMX-2025 ngày 29 tháng 12 năm 2025. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh tăng lên thành 99,99978%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

(**) Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 20 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 201.294.010 cổ phần (tỷ lệ sở hữu là 99,999994%) của Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma (“An Khang”) với giá chuyển nhượng là 2.012.940.100.000 VND cho Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Thiện Tâm (công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động) vào ngày 25 tháng 12 năm 2025.

(***) Vào tháng 1 năm 2025, MWG (Cambodia) Co., Ltd đã chính thức chấm dứt hoạt động và hoàn tất thủ tục giải thể.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

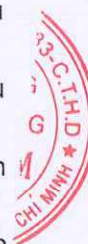
Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2.6 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Điện thoại di động, máy tính bảng và máy tính xách tay	- giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Thiết bị điện tử	- giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Phụ kiện	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thiết bị gia dụng	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Đồng hồ, mắt kính	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thiết bị y tế	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Hóa mỹ phẩm	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Dược Phẩm	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Vitamin và thực phẩm chức năng	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Vật tư lắp đặt	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Khác	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”).

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 7 năm
Phần mềm máy tính	2 - 4 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng vô thời hạn không cần trích khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm khi phát sinh.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Chi phí tiền thuê trả trước;
- ▶ Chi phí thiết kế cửa hàng; và
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng.

3.11 Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 *Hợp nhất kinh doanh* (tiếp theo)

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung là một nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh trong đó tất cả các công ty được đồng kiểm soát bởi cùng một đối tượng hoặc các đối tượng trước và sau khi hợp nhất kinh doanh, và sự kiểm soát này là tạm thời.

Giao dịch hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả của các đơn vị được hợp nhất theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất kinh doanh;
- Không có lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị được hợp nhất từ thời điểm hợp nhất kinh doanh; và
- Chênh lệch giữa giá phí đầu tư của bên mua/ giá thanh lý của bên bán và giá trị tài sản thuần của bên bị hợp nhất được trình bày riêng biệt như một khoản phụ trội trong nguồn vốn chủ sở hữu khi hợp nhất (phụ trội hợp nhất trên bảng cân đối kế toán hợp nhất).

3.12 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào liên doanh

Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi của các quỹ của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi mua được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi liên doanh được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được căn trừ vào giá trị khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

319
I P
G C
KI
PHÚ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Các khoản dự phòng

Dự phòng chi phí bảo hành

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa là dự phòng chi phí cho những sản phẩm, hàng hóa, đã bán, đã cung cấp hoặc đã bàn giao cho người mua nhưng còn trong thời hạn bảo hành và Nhóm Công ty vẫn có nghĩa vụ phải tiếp tục sửa chữa theo hợp đồng hoặc theo cam kết với khách hàng.

Dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hoá được ghi nhận vào chi phí bán hàng. Trường hợp hoàn nhập chi phí bảo hành được ghi nhận giảm vào chi phí bán hàng.

Khoản dự phòng bảo hành được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm, hàng hóa tương tự.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND, cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch, hoặc tỷ giá bình quân nếu tỷ giá bình quân chênh lệch không quá 2% so với tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

3.17 *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

3.18 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành, và được xác nhận từ người mua.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.19 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.20 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	254.143.283.239	254.936.869.384
Tiền gửi ngân hàng	3.270.924.090.558	3.264.205.303.902
Tiền đang chuyển	33.087.543.860	60.986.103.441
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (*)	20.000.000.000	200.000.000.000
TỔNG CỘNG	3.578.154.917.657	3.780.128.276.727

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị ghi sổ
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
Ngắn hạn					
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	20.414.244.731.666	20.414.244.731.666	19.463.430.958.687	19.463.430.958.687	
Đầu tư khác (ii)	13.626.300.000.000	13.626.300.000.000	13.214.114.712.329	13.214.114.712.329	
	6.787.944.731.666	6.787.944.731.666	6.249.316.246.358	6.249.316.246.358	
Dài hạn					
Đầu tư khác (iii)	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000	-	-	
	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000	-	-	
TỔNG CỘNG	21.814.244.731.666	21.814.244.731.666	19.463.430.958.687	19.463.430.958.687	

VND

(i) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn dưới 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

(ii) Đây là các khoản trái phiếu nắm giữ và khoản đầu tư khác có kỳ hạn từ 3 tháng đến 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

(iii) Đây là các khoản trái phiếu nắm giữ có kỳ hạn từ 2 năm đến 7 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	233.388.024.089	226.617.206.822
- Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC	87.192.506.673	59.659.077.990
- Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam	80.463.411.137	82.179.250.662
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	6.119.673.829	-
- Khác	59.612.432.450	84.778.878.170
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 31)	161.176.383.153	15.151.657.909
TỔNG CỘNG	<u>394.564.407.242</u>	<u>241.768.864.731</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH SIS Equipment Limited	16.065.732.453	-
Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Nhất Thiên	11.290.331.762	3.720.667.458
Công ty TNHH Supply Chain (Vietnam)	4.008.674.298	-
Công ty TNHH TM Tư Vấn Xây Dựng Phương Nam	1.123.223.090	-
Khác	7.810.414.502	3.905.057.359
TỔNG CỘNG	<u>40.298.376.105</u>	<u>7.625.724.817</u>

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay ngắn hạn với các công ty đối tác (bên khác), có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các nhà cung cấp (i)	923.425.890.174	1.033.855.581.408
- Công ty TNHH Apple Việt Nam	293.014.411.725	177.001.918.901
- Công ty TNHH Điện tử Samsung HCMC CE Complex	80.700.216.538	95.772.412.644
- Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng	76.710.001.156	123.491.899.918
- Công ty TNHH Panasonic	42.565.091.432	35.126.516.454
- Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên	37.284.502.503	76.666.694.500
- Công ty Cổ phần Thế Giới Số	34.802.828.518	78.168.874.253
- Khác	358.348.838.302	447.627.264.738
Phải thu lãi tiền gửi và cho vay	652.270.392.374	473.574.535.117
Khác	74.276.215.469	50.191.500.103
TỔNG CỘNG	1.649.972.498.017	1.557.621.616.628

Trong đó:

Phải thu khác từ bên khác	1.609.369.815.051	1.526.485.997.966
Phải thu khác từ bên liên quan (Thuyết minh số 31)	40.602.682.966	31.135.618.662

(i) Phải thu từ các nhà cung cấp bao gồm phần lớn là các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán và bảo vệ giá.

10. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Điện thoại di động	10.436.899.938.796	6.308.558.749.355
Thiết bị điện tử	5.455.502.863.780	5.642.433.998.542
Thiết bị gia dụng	3.278.784.040.474	2.987.823.278.813
Máy tính xách tay	2.038.788.415.621	1.394.857.344.900
Phụ kiện	1.332.468.453.657	1.135.937.046.238
Máy tính bảng	381.398.358.512	246.873.698.461
Đồng hồ, mắt kính	181.715.243.135	183.440.081.019
Vật tư lắp đặt	99.657.560.121	-
Dược phẩm	-	430.955.064.491
Vitamin và thực phẩm chức năng	-	114.364.004.984
Mỹ phẩm	-	42.489.932.374
Trang thiết bị y tế cá nhân	-	30.178.422.899
Hàng hóa khác	163.480.901.138	350.801.936.157
TỔNG CỘNG	23.368.695.775.234	18.868.713.558.233
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(609.594.155.009)	(423.097.685.938)
GIÁ TRỊ THUẦN	22.759.101.620.225	18.445.615.872.295

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	VND	
	Năm này	Năm trước
Số đầu năm	(423.097.685.938)	(204.448.896.920)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(609.594.155.009)	(423.097.685.938)
Trừ: Hoàn nhập và sử dụng phòng trong năm	423.097.685.938	204.448.896.920
Số cuối năm	<u>(609.594.155.009)</u>	<u>(423.097.685.938)</u>

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	340.599.769.383	274.785.229.426
Chi phí thuê cửa hàng	246.734.278.995	263.916.355.612
Công cụ, dụng cụ	38.244.291.996	3.481.921.978
Chi phí thiết kế, cải tạo cửa hàng	24.176.325.301	1.845.561.507
Khác	31.444.873.091	5.541.390.329
Dài hạn	12.420.343.336	26.054.627.592
Chi phí thuê cửa hàng	7.597.948.480	7.677.687.318
Chi phí thiết kế, cải tạo cửa hàng	2.518.804.423	12.510.473.848
Công cụ, dụng cụ	971.141.026	3.842.218.515
Khác	1.332.449.407	2.024.247.911
TỔNG CỘNG	<u>353.020.112.719</u>	<u>300.839.857.018</u>

12. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác thể hiện tiền ký quỹ thuê văn phòng, cửa hàng, trung tâm phân phối và ký quỹ điện, nước.



Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

				VND
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá				
Số đầu năm	8.712.375.852.436	295.005.415.651	930.764.375.667	9.938.145.643.754
Mua trong năm	31.279.267.150	-	3.333.033.483	34.612.300.633
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	75.497.904.912	-	23.086.339.587	98.584.244.499
Tăng do mua công ty con	9.410.734.443	66.152.043.843	729.023.115	76.291.801.401
Thanh lý	(281.555.915.644)	(618.616.055)	(77.452.299.879)	(359.626.831.578)
Giảm do chuyển nhượng công ty con	(325.130.148.676)	-	(8.337.649.580)	(333.467.798.256)
Số cuối năm	8.221.877.694.621	360.538.843.439	872.122.822.393	9.454.539.360.453
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>5.704.877.185.241</i>	<i>144.172.271.108</i>	<i>779.571.524.595</i>	<i>6.628.620.980.944</i>
Giá trị khấu hao lũy kế				
Số đầu năm	(7.275.277.047.031)	(225.836.296.187)	(875.268.394.466)	(8.376.381.737.684)
Khấu hao trong năm	(711.033.751.349)	(28.715.798.947)	(30.107.974.191)	(769.857.524.487)
Tăng do mua công ty con	(2.212.352.875)	(7.392.474.809)	(203.225.229)	(9.808.052.913)
Thanh lý	217.746.483.520	618.616.055	75.484.637.683	293.849.737.258
Giảm do chuyển nhượng công ty con	216.541.178.683	-	5.590.951.515	222.132.130.198
Số cuối năm	(7.554.235.489.052)	(261.325.953.888)	(824.504.004.688)	(8.640.065.447.628)
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	1.437.098.805.405	69.169.119.464	55.495.981.201	1.561.763.906.070
Số cuối năm	667.642.205.569	99.212.889.551	47.618.817.705	814.473.912.825

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Thương hiệu</i>	<i>VND</i> <i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá				
Số đầu năm	25.998.878.500	10.772.197.700	53.526.696.627	90.297.772.827
Giảm do chuyển nhượng công ty con	-	-	(53.526.696.627)	(53.526.696.627)
Số cuối năm	25.998.878.500	10.772.197.700	-	36.771.076.200
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	10.772.197.700	-	10.772.197.700
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	-	(10.772.197.700)	(16.058.008.988)	(26.830.206.688)
Hao mòn trong năm	-	-	(5.352.669.662)	(5.352.669.662)
Giảm do chuyển nhượng công ty con	-	-	21.410.678.650	21.410.678.650
Số cuối năm	-	(10.772.197.700)	-	(10.772.197.700)
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	25.998.878.500	-	37.468.687.639	63.467.566.139
Số cuối năm	25.998.878.500	-	-	25.998.878.500

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu thể hiện chi phí thành lập các cửa hàng và trung tâm phân phối mới.

(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

	Loại hình kinh doanh	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
PT Era Blu Elektronik ("Era Blu")	Thương mại sản phẩm điện tử	<u>371.159.064.528</u>	<u>242.035.797.830</u>

PT Era Blu Elektronik là một công ty được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư ra nước ngoài số 202200996 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 4 tháng 3 năm 2022. Hoạt động chính của PT Era Blu Elektronik là kinh doanh bán lẻ thiết bị di động, thiết bị điện máy, đồ dùng gia đình và các thiết bị, máy móc khác tại Indonesia. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Nhóm Công ty nắm giữ 45% quyền sở hữu và quyền biểu quyết trong Era Blu.

Vào ngày 23 tháng 4 năm 2025, Công ty đã hoàn tất giao dịch chuyển tiền góp vốn trị giá 4.031.250 USD tương đương 104.772.187.500 VND vào PT Era Blu Elektronik.

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên doanh như sau:

	VND Era Blu
Giá gốc đầu tư:	
Số đầu năm	286.632.252.729
Tăng trong năm	<u>104.772.187.500</u>
Số cuối năm	<u>391.404.440.229</u>
Phản lũy kế lỗ sau khi đầu tư công ty liên doanh:	
Số đầu năm	(44.596.454.899)
Phản lãi từ công ty liên doanh trong năm	<u>24.351.079.198</u>
Số cuối năm	<u>(20.245.375.701)</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	<u>242.035.797.830</u>
Số cuối năm	<u>371.159.064.528</u>

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

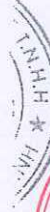
17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

17.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Phải trả người bán	9.633.273.278.640	9.633.273.278.640	6.107.082.569.290	6.107.082.569.290	
- Công ty và chi nhánh Công ty Cổ phần Kỹ thuật & Khoa học Vĩnh Khang	997.223.502.161	997.223.502.161	460.712.788.052	460.712.788.052	
- Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên	756.976.130.250	756.976.130.250	131.287.827.660	131.287.827.660	
- Công ty Cổ phần Thế Giới Số	666.723.063.260	666.723.063.260	494.430.598.816	494.430.598.816	
- Chi nhánh Công ty TNHH Phân phối Synnex FPT	542.129.799.607	542.129.799.607	328.278.198.699	328.278.198.699	
- Công ty TNHH Điện Máy AQUA Việt Nam	511.561.974.100	511.561.974.100	368.233.274.979	368.233.274.979	
- Công ty TNHH Apple Việt Nam	463.897.487.034	463.897.487.034	283.926.664.042	283.926.664.042	
- Công ty TNHH Sản phẩm Tiêu dùng Toshiba Việt Nam	431.237.672.191	431.237.672.191	319.793.975.590	319.793.975.590	
- Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam	306.843.068.741	306.843.068.741	330.376.839.713	330.376.839.713	
- Khác	4.956.680.581.296	4.956.680.581.296	3.390.042.401.739	3.390.042.401.739	
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 31)	68.321.177.526	68.321.177.526	218.027.359.350	218.027.359.350	
TỔNG CỘNG	9.701.594.456.166	9.701.594.456.166	6.325.109.928.640	6.325.109.928.640	

17.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Số dư thể hiện các khoản trả trước theo hợp đồng mua bán từ khách hàng.



Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giảm do chuyển nhượng công ty con	Tăng do mua công ty con	Số cuối năm
Phải thu						
Thuế giá trị gia tăng	94.214.349.461	17.354.857.206.611	(17.196.345.628.158)	(47.563.519.235)	3.467.374.921	208.629.783.600
Khác	1.000.000	-	-	(1.000.000)	-	-
TỔNG CỘNG	94.215.349.461	17.354.857.206.611	(17.196.345.628.158)	(47.564.519.235)	3.467.374.921	208.629.783.600
Phải nộp						
Thuế thu nhập doanh nghiệp	403.207.734.254	1.638.902.794.566	(1.461.385.165.412)	-	14.592.121.721	595.317.485.129
Thuế giá trị gia tăng	173.908.871.575	14.695.239.248.609	(14.677.294.015.665)	(403.204.341)	5.139.204.438	196.590.104.616
Thuế thu nhập cá nhân	7.770.344.193	292.507.414.170	(285.406.926.549)	(270.811.884)	3.374.567.285	17.974.587.215
Thuế khác	661.509.384	20.837.515.363	(20.130.833.072)	(8.042.737)	-	1.360.148.938
TỔNG CỘNG	585.548.459.406	16.647.486.972.708	(16.444.216.940.698)	(682.058.962)	23.105.893.444	811.242.325.898

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thưởng nhân viên	2.479.282.385.291	1.539.705.905.611
Chi phí tiếp thị quảng cáo	365.569.840.291	224.958.196.974
Chi phí hỗ trợ lãi suất	172.645.066.666	118.426.634.122
Các khoản phải trả nhân viên	80.136.953.905	81.764.402.600
Chi phí lãi vay	73.959.748.135	55.467.614.302
Chi phí tiện ích	65.782.041.546	51.253.024.056
Khác	66.677.492.044	38.230.447.272
TỔNG CỘNG	<u>3.304.053.527.878</u>	<u>2.109.806.224.937</u>

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện doanh thu từ các gói bảo dưỡng và cung cấp thiết bị thay thế đã nhận trước từ các khách hàng.

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phiếu mua hàng	401.754.944.500	108.650.944.688
Thu hộ cước phí	253.725.254.750	421.731.560.848
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	73.516.016.766	66.866.726.070
Nhận ký quỹ	68.929.297.668	21.240.000.000
Khác	44.872.915.705	64.704.294.729
TỔNG CỘNG	<u>842.798.429.389</u>	<u>683.193.526.335</u>
Trong đó:		
<i>Phải trả bên khác</i>	837.354.009.915	665.974.220.408
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	5.444.419.474	17.219.305.927

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Tăng do mua công ty con	Giảm do chuyển nhượng công ty con	VND Số cuối năm
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.1)	<u>19.930.172.643.525</u>	<u>84.226.229.694.440</u>	<u>(80.866.099.911.845)</u>	<u>218.724.988.327</u>	<u>(79.913.096.797)</u>	<u>23.429.114.317.650</u>
Trong đó:						
Số có khả năng trả nợ Vay ngắn hạn	19.930.172.643.525					23.429.114.317.650

22.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp với lãi suất thả nổi nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết của các khoản vay như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn
Các khoản vay tín chấp ngân hàng	<u>23.429.114.317.650</u>	Từ ngày 5 tháng 1 năm 2026 đến ngày 24 tháng 6 năm 2026

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn khác	Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	4.361.518.810.000	3.739.030.306	14.188.327.441.227	-	18.553.585.281.533
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	3.716.570.973.167	-	3.716.570.973.167
Chênh lệch tỷ giá	-	(3.739.030.306)	-	-	(3.739.030.306)
Chia cổ tức	-	-	(2.749.999.999.995)	-	(2.749.999.999.995)
Số cuối năm	4.361.518.810.000	-	15.154.898.414.399	-	19.516.417.224.399
Năm nay					
Số đầu năm	4.361.518.810.000	-	15.154.898.414.399	-	19.516.417.224.399
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	5.801.785.231.728	-	5.801.785.231.728
Chia cổ tức (i)	-	-	(8.700.000.000.000)	-	(8.700.000.000.000)
Chia cổ tức bằng phát hành cổ phiếu (ii)	6.542.278.210.000	-	(6.542.278.210.000)	-	-
Góp vốn bằng tiền (iii)	109.037.980.000	-	-	-	109.037.980.000
Phụ trội hợp nhất (iv)	-	-	-	1.073.331.174.380	1.073.331.174.380
Số cuối năm	11.012.835.000.000	-	5.714.405.436.127	1.073.331.174.380	17.800.571.610.507

(i) Trong năm, Công ty đã trả cổ tức với giá trị 8.700.000.000 VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (2024: 4.000.000.000 VND và 2025: 4.700.000.000 VND) cho các cổ động hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2025 ngày 17 tháng 1 năm 2025; 02/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2025 ngày 3 tháng 4 năm 2025; 03/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2025 ngày 10 tháng 7 năm 2025; 04/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2025 ngày 1 tháng 10 năm 2025 và 06/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 5 tháng 11 năm 2025.



(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.1 Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- (ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 08/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 3 tháng 12 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 654.227.821 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tổng giá trị 6.542.278.210.000 VND, được trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Theo đó, vào ngày 9 tháng 12 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 32 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 4.361.518.810.000 VND lên 10.903.797.020.000 VND.
- (iii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 09/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 12 tháng 12 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 10.903.798 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu cho các nhà đầu tư riêng lẻ với tổng giá trị là 109.037.980.000 VND. Theo đó, vào ngày 19 tháng 12 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 33 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 10.903.797.020.000 VND lên 11.012.835.000.000 VND.
- (iv) Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 20 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 9.999.890 cổ phần (tỷ lệ sở hữu là 99,9989%) của Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh (trước kia là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt – Sửa chữa – Bảo hành Tận Tâm) với giá chuyển nhượng là 99.998.900.000 VND từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động (Công ty mẹ của Công ty) vào ngày 30 tháng 12 năm 2025. Theo đó, Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh đã trở thành công ty con trực tiếp của Công ty.

Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 20 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 201.294.010 cổ phần (tỷ lệ sở hữu là 99,999994%) của An Khang với giá chuyển nhượng là 2.012.940.100.000 VND cho Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Thiện Tâm (công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động) vào ngày 25 tháng 12 năm 2025. Theo đó, An Khang không còn là công ty con trực tiếp của Công ty.

Các nghiệp vụ chuyển nhượng trên được xác định là hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung bởi vì cả Công ty và các công ty con trước và sau khi được tái cơ cấu đều dưới sự kiểm soát chung của Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động. Theo đó, nghiệp vụ thanh lý An Khang và nhận chuyển nhượng Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo phương pháp cộng giá trị ghi sổ như được trình bày tại Thuyết minh 3.11 nêu trên. Khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ thuần so với giá chuyển nhượng/ giá phí hợp nhất kinh doanh với giá trị là 1.073.331.174.380 VND được trình bày như một khoản phụ trội hợp nhất ở mục vốn khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

192
VĂN
ĐƠN
CHỦ
NHON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Chi tiết vốn đã góp

Cổ đông	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	1.089.775.600	98.955	435.910.240	99.94
Các cá nhân	11.507.900	1.045	241.641	0.06
TỔNG CỘNG	1.101.283.500	100.00	436.151.881	100.00

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	110.387.157.888.454	94.240.556.174.175
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	109.691.248.450.687	93.699.151.069.492
Doanh thu cung cấp dịch vụ	695.909.437.767	541.405.104.683
Các khoản giảm trừ doanh thu	(907.969.435.608)	(883.948.450.190)
Hàng bán bị trả lại	(907.969.435.608)	(883.948.450.190)
Doanh thu thuần	109.479.188.452.846	93.356.607.723.985
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	108.783.279.015.079	92.815.202.619.302
Doanh thu cung cấp dịch vụ	695.909.437.767	541.405.104.683

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay và trái phiếu	1.688.542.075.035	1.495.875.026.170
Chiết khấu thanh toán	152.032.478.019	174.720.514.674
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.315.102.820	1.302.031.614
Khác	-	1.279.993.957
TỔNG CỘNG	1.842.889.655.874	1.673.177.566.415

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí mua hàng và cung cấp dịch vụ	<u>89.992.477.524.267</u>	<u>76.267.199.511.301</u>

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	970.038.874.515	698.026.126.670
Khác	<u>3.338.728.172</u>	<u>2.499.678.939</u>
TỔNG CỘNG	<u>973.377.602.687</u>	<u>700.525.805.609</u>

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	9.960.990.653.627	10.476.983.983.071
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.916.538.430.739	5.459.677.407.059
Chi phí nhân viên	2.937.379.216.938	3.759.056.713.675
Chi phí khấu hao và hao mòn	775.064.968.744	1.086.144.209.649
Khác	<u>332.008.037.206</u>	<u>172.105.652.688</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.179.187.654.912	2.456.442.534.973
Chi phí nhân viên	2.698.643.340.323	1.892.183.682.291
Chi phí dịch vụ mua ngoài	469.936.059.085	507.349.064.478
Chi phí khấu hao và hao mòn	145.225.405	172.326.216
Khác	<u>10.463.030.099</u>	<u>56.737.461.988</u>
TỔNG CỘNG	<u>13.140.178.308.539</u>	<u>12.933.426.518.044</u>

28. CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý tài sản cố định	6.037.584.111	346.732.657.507
Khác	<u>7.653.032.808</u>	<u>10.351.187.666</u>
TỔNG CỘNG	<u>13.690.616.919</u>	<u>357.083.845.173</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	89.992.477.524.267	76.267.199.511.301
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.386.474.489.824	5.967.026.471.537
Chi phí nhân viên	5.636.022.557.261	5.651.240.395.966
Chi phí khấu hao, hao mòn (Thuyết minh số 13 và 14)	775.210.194.149	1.086.316.535.865
Chi phí khác	342.471.067.305	228.843.114.676
TỔNG CỘNG	<u>103.132.655.832.806</u>	<u>89.200.626.029.345</u>

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20%.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN	1.631.478.648.754	1.231.137.391.667
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu (thừa) trong những năm trước	<u>7.424.145.812</u>	<u>(4.716.772.875)</u>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.638.902.794.566	1.226.420.618.792
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	<u>(171.989.320.515)</u>	<u>(196.477.162.710)</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.466.913.474.051</u>	<u>1.029.943.456.082</u>



(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>7.268.698.705.779</u>	<u>4.746.514.429.249</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	1.453.739.741.156	949.302.885.850
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Lãi từ các công ty con	22.591.965.919	73.688.330.722
(Lãi) lỗ từ công ty liên doanh	(4.870.215.840)	8.919.290.980
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	4.242.893.609	1.679.187.472
Doanh thu không chịu thuế	(4.188.860.191)	-
Chi phí phân bổ thương hiệu	1.070.533.933	1.070.533.933
Lỗ chuyển nhượng công ty con	(13.096.730.347)	-
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu (thừa) trong những năm trước	7.424.145.812	(4.716.772.875)
Chi phí thuế TNDN ước tính	<u>1.466.913.474.051</u>	<u>1.029.943.456.082</u>

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế TNDN hoãn lại và thu nhập thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

VND

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Các khoản chi phí phải trả	184.384.575.082	144.812.651.110	31.805.822.147	144.812.651.110
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	121.918.831.002	84.619.537.188	37.299.293.814	43.729.757.804
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	107.387.343.689	4.344.639.602	103.042.704.087	4.344.639.602
Dự phòng chi phí bảo hành	17.899.612.226	14.047.933.382	3.851.678.844	460.772.513
Dự phòng chi phí khấu hao	2.156.143.410	6.175.722.101	(4.019.578.691)	3.076.422.829
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(11.426.394)	(20.826.708)	9.400.314	52.918.852
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	<u>433.735.079.015</u>	<u>253.979.656.675</u>		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại			<u>171.989.320.515</u>	<u>196.477.162.710</u>

(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thương mại Điện Máy Xanh	Công ty con
PT Era Blu Elektronik	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần 4K Farm	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Thiện Tâm	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Thiện Tâm	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư An Nhi	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Thế giới Bán lẻ	Công ty cùng Tập đoàn
Quý Từ thiện Mái Ấm Thế Giới Di Động	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
Zynstra Ltd tại Anh	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
Purple Wifi Ltd tại Anh	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
NEWT Natural Capital LLP tại Anh	Đồng thành viên quản lý chủ chốt

1083
V.G.
ING
ÂM
HỒ CỨ

(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Cổ tức bằng tiền	8.695.179.943.522	2.748.476.418.927	-
	Cổ tức bằng cổ phiếu	6.538.653.600.000	-	-
	Nhận chuyển nhượng công ty con	99.998.900.000	-	-
	Thanh toán vay	-	2.181.850.000.000	-
	Vay	-	-	292.400.000.000
	Lãi vay	-	-	79.322.775.940
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Thiện Tâm	Chuyển nhượng công ty con	2.012.940.100.000	-	-
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Phí dịch vụ	452.340.775.083	488.665.818.561	-
	Mua dịch vụ	4.859.720.750	10.976.934.322	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán hàng hóa	226.241.503.519	232.836.788.855	-
	Bán dịch vụ	23.048.400.000	22.451.542.601	-
	Mua tài sản cố định	4.737.859.924	1.152.583.342	-
	Bán tài sản cố định	3.736.005.676	1.812.709.581	-
	Mua hàng hóa	120.281.659	594.444	-
	Mua dịch vụ	-	23.664.451.617	-
Chi phí điện	-	-	7.499.534.260	
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh	Chi phí thuê	7.619.203.821	80.299.356.385	-
Công ty TNHH Thương Mại Avakids	Bán hàng hóa	373.104.733.014	-	-
	Bán tài sản cố định	53.820.619.761	-	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	VND
			Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Bán hàng hóa	130.837.206.774	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán hàng hóa	16.314.359.885	15.055.043.664
	Bán dịch vụ	9.926.884.800	-
Công ty Cổ phần Dược Phẩm An Khang Pharma	Bán hàng hóa	2.115.803.639	-
	Bán dịch vụ	1.982.128.055	-
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	Bán hàng hóa	-	96.614.245
		161.176.383.153	15.151.657.909
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thế giới Di động	Tạm ứng cổ tức	20.634.327.611	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán công cụ, dụng cụ	6.912.000.817	-
	Cho thuê	2.074.355.898	14.119.569.377
	Chi hộ	428.418.548	3.674.261.934
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Chi hộ	7.573.719.423	8.092.456.265
Công ty TNHH Đầu Tư Thiện Tâm	Chuyển nhượng công ty con	2.940.100.000	-
Công ty Cổ phần Dược Phẩm An Khang Pharma	Chi hộ	39.760.669	-
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	Dịch vụ khác	-	4.333.954.056
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh	Chi hộ	-	915.377.030
		40.602.682.966	31.135.618.662

(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	VND	
			Số đầu năm	
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Mua dịch vụ	61.798.323.713	56.719.498.474	
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Mua hàng hóa Mua dịch vụ	5.108.951.223 -	5.473.324.841 406.513.722	
Công Ty Cổ phần Dược Phẩm An Khang Pharma	Mua hàng hóa	1.412.060.256	-	
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Thuê cửa hàng	1.842.334	-	
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	Mua dịch vụ Mua công cụ, dụng cụ	- -	153.304.334.357 2.123.687.956	
		68.321.177.526	218.027.359.350	
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Thu hộ	3.586.085.196	-	
Công ty Cổ phần Dược Phẩm An Khang Pharma	Thu hộ Mua vật dụng, thiết bị	1.840.887.467 13.302.000	- -	
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Thu hộ	4.144.811	12.802.224	
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Chi hộ Công ty	-	620.202.279	
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Mua thiết bị	-	16.586.301.424	
		5.444.419.474	17.219.305.927	

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Tên	Chức vụ	Năm nay	VND	
			Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch HĐQT	-	-	
Ông Vũ Đăng Linh	Phó Chủ tịch HĐQT	1.835.700.000	1.711.436.506	
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc	-	-	
Bà Võ Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng	839.206.755	851.893.154	
TỔNG CỘNG		2.674.906.755	2.563.329.660	

32. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	5.801.785.231.728	3.716.570.973.167
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (*)	<u>1.101.283.500</u>	<u>1.090.379.702</u>
Lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	5.268	3.409

(*) Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 để phản ánh việc chia cổ tức bằng cổ phiếu đã thực hiện trong năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 08/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 3 tháng 12 năm 2025.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất.

33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng và các trung tâm phân phối theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	2.149.789.570.650	2.222.354.638.429
Từ 1 đến 5 năm	5.864.629.759.677	6.210.842.143.143
Trên 5 năm	<u>1.678.824.520.706</u>	<u>1.983.888.658.902</u>
TỔNG CỘNG	<u>9.693.243.851.033</u>	<u>10.417.085.440.474</u>

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Năm nay	Ngành hàng điện tử và gia dụng	Ngành hàng dược mỹ phẩm	Loại trừ	Tổng cộng	VND
Doanh thu	107.304.831.302.466	2.174.357.150.380	-	109.479.188.452.846	
Từ bán hàng ra bên ngoài	18.408.240.373	-	(18.408.240.373)	-	
Giữa các bộ phận					
Tổng cộng doanh thu	107.323.239.542.839	2.174.357.150.380	(18.408.240.373)	109.479.188.452.846	
Lợi nhuận gộp của bộ phận	19.075.913.356.076	410.797.572.503	-	19.486.710.928.579	
Chi phí không phân bổ				(13.140.178.308.539)	
Lợi nhuận trước thuế, doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính				6.346.532.620.040	
Doanh thu hoạt động tài chính				1.842.889.655.874	
Chi phí tài chính				(973.377.602.687)	
Phản lãi trong công ty liên doanh				24.351.079.198	
Lỗ khác				28.302.953.354	
Lợi nhuận kế toán trước thuế				7.268.698.705.779	
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(1.638.902.794.566)	
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				171.989.320.515	
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm				5.801.785.231.728	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025					
Tài sản và nợ phải trả					
Tài sản của bộ phận	56.936.483.242.111	-	-	56.936.483.242.111	
Tài sản không phân bổ				(20.245.375.701)	
Tổng tài sản				56.916.237.866.410	
Nợ phải trả của bộ phận	39.115.666.255.903	-	-	39.115.666.255.903	
Tổng nợ phải trả				39.115.666.255.903	

PHỤ-1
KIM
3 CH
PHO
1902

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Năm trước	Ngành hàng điện tử và gia dụng	Ngành hàng được mỹ phẩm	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu				VND
Từ bán hàng ra bên ngoài	91.084.897.338.108	2.271.710.385.877		93.356.607.723.985
Giữa các bộ phận	15.339.703.668	6.537.037	(15.346.240.705)	
Tổng cộng doanh thu	91.100.237.041.776	2.271.716.922.914	(15.346.240.705)	93.356.607.723.985
Lợi nhuận gộp của bộ phận	16.634.170.192.351	455.238.020.333	-	17.089.408.212.684
Chi phí không phân bổ				(12.933.426.518.044)
Lợi nhuận trước thuế, doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính				4.155.981.694.640
Doanh thu hoạt động tài chính				1.673.177.566.415
Chi phí tài chính				(700.525.805.609)
Phần lỗ trong công ty liên doanh				(44.596.454.899)
Lỗ khác				(337.522.571.298)
Lợi nhuận kế toán trước thuế				4.746.514.429.249
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(1.226.420.618.792)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				196.477.162.710
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm				3.716.570.973.167
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Tài sản và nợ phải trả				
Tài sản của bộ phận	48.153.184.772.990	1.363.554.849.378	-	49.516.739.622.368
Tài sản không phân bổ				(44.596.454.899)
Tổng tài sản				49.472.143.167.469
Nợ phải trả của bộ phận	29.647.026.070.697	308.699.872.373	-	29.955.725.943.070
Tổng nợ phải trả				29.955.725.943.070

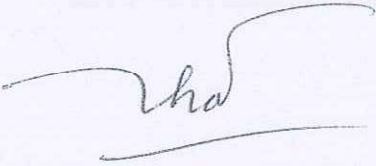


(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

CHỨNG THỰC
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 26 tháng 2 năm 2026

Ngày 28-02-2026

Số CT:/SCT/BS



Nguyễn Thị Quý

EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn